

Số: **51** / 2019/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **31** tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về quản lý dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý
rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;
Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;
Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng nộp tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt

Các đối tượng được cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường đối với rác thải sinh hoạt (bao gồm: công tác thu gom; bốc xúc, vận chuyển; xử lý rác thải) phải thực hiện nộp tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng tháng, bao gồm:

1. Đối tượng 1: Hộ gia đình, cá nhân (không gắn với hoạt động sản xuất kinh doanh).
2. Đối tượng 2: Hộ sản xuất, kinh doanh buôn bán nhỏ xen kẽ trong khu dân cư (không bao gồm hộ sản xuất, kinh doanh buôn bán nhỏ trong chợ do doanh nghiệp hoặc chợ do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý).
3. Đối tượng 3: Cơ quan quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp; trụ sở làm việc của doanh nghiệp nhà nước; chi nhánh; văn phòng đại diện; lực lượng vũ trang; các tổ chức xã hội nghề nghiệp,...
4. Đối tượng 4: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp (Bao gồm cả các tổ chức, doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân xã,

phường, thị trấn quản lý chợ, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, hội chợ, triển lãm,...vv).

5. Đối tượng 5: Rác thải từ các khu công cộng tại đô thị.

Điều 2. Nguyên tắc thu giá dịch vụ, mức thu giá dịch vụ, nguồn kinh phí, quản lý và sử dụng số tiền thu được từ dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt

1. Đối tượng 1: Hộ gia đình, cá nhân (không gắn với hoạt động sản xuất kinh doanh)

a) Nguyên tắc thu giá dịch vụ

Thực hiện theo cơ chế giá dịch vụ thu để bù đắp chi phí cho hoạt động thu gom rác thải từ hộ gia đình, cá nhân đến điểm thu gom rác tập trung. Chi phí bốc xúc, vận chuyển đến nhà máy và chi phí cho khâu xử lý rác tại nhà máy do ngân sách nhà nước đảm bảo theo lộ trình ngân sách nhà nước hỗ trợ giảm dần theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

Đối với các phường, thị trấn: Các tổ dân phố có nhu cầu giao cho đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải từ hộ gia đình cá nhân đến điểm thu gom rác tập trung, đồng thời trực tiếp thu dịch vụ thì Ủy ban nhân dân các phường, thị trấn tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố để quyết định giao nhiệm vụ cho đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường.

Đối với những địa bàn có thể thực hiện chôn lấp hợp vệ sinh, phù hợp với quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, nguyên tắc thu giá dịch vụ để bù đắp chi phí cho hoạt động thu gom rác thải từ hộ gia đình, cá nhân đến điểm chôn lấp hợp vệ sinh. Chi phí chôn lấp hợp vệ sinh do ngân sách nhà nước đảm bảo theo lộ trình ngân sách nhà nước hỗ trợ giảm dần theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

Hộ gia đình, cá nhân (đối tượng 1) được cung ứng dịch vụ vệ sinh đối với rác thải sinh hoạt hàng tháng phải thực hiện nộp tiền dịch vụ vệ sinh theo lộ trình mức thu tăng dần để chi phí cho khâu bốc xúc, vận chuyển, xử lý rác tại nhà máy thực hiện lộ trình giảm dần phần ngân sách nhà nước hỗ trợ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

b) Mức thu giá dịch vụ: Mức thu giá dịch vụ thu gom rác thải từ hộ gia đình, cá nhân đến điểm thu gom rác tập trung hoặc đến điểm chôn lấp hợp vệ sinh được xác định trên cơ sở thống nhất giữa thôn, tổ dân phố (tổ chức họp dân theo quy chế dân chủ ở cơ sở) với người đi thu dịch vụ và tổ thu gom rác thải của thôn, tổ dân phố hoặc đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường để quyết định trên cơ sở định mức phát thải rác sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn và đơn giá dịch vụ thu, gom, bốc xúc, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (hợp dân công khai theo quy chế dân chủ cơ sở và thống nhất).

c) Quản lý, sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ: Toàn bộ nguồn thu từ giá dịch vụ được để lại thôn, tổ dân phố quản lý và sử dụng để chi trả công cho

người đi thu dịch vụ và chi trả tiền công (*bao gồm cả dụng cụ bảo hộ lao động và Bảo hiểm y tế (nếu có)*) cho người đi thu gom rác thải hoặc đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường.

2. Các đối tượng 2,3,4

a) Nguyên tắc thu giá dịch vụ.

Thực hiện theo cơ chế giá dịch vụ thu để bù đắp chi phí cho cả 3 khâu gồm: khâu thu gom rác thải từ nơi phát thải đến điểm thu gom rác tập trung; khâu bốc xúc, vận chuyển đến nhà máy; khâu xử lý rác tại nhà máy.

b) Mức thu giá dịch vụ.

Đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường căn cứ vào nguyên tắc thu giá dịch vụ nêu trên, định mức phát thải rác sinh hoạt của các đối tượng và đơn giá dịch vụ thu, gom, bốc xúc, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn theo Quyết định của UBND tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã; các thôn, tổ dân phố để xác định mức thu giá dịch vụ làm cơ sở để tổ chức ký hợp đồng trực tiếp với đối tượng 2, 3, 4 nêu trên đảm bảo theo đúng quy định.

c) Đơn vị tổ chức thu tiền dịch vụ vệ sinh môi trường.

Đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các thôn, tổ dân phố để tổ chức thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt. Đơn vị thu có trách nhiệm niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu về tên, mức thu, phương thức thu và cơ quan quy định thu.

Trường hợp đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường giao cho tổ dịch vụ vệ sinh môi trường của các xã, thị trấn thực hiện thu tiền dịch vụ thì đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường có trách nhiệm chi trả kinh phí phục vụ công tác thu dịch vụ cho tổ dịch vụ vệ sinh môi trường của các xã, thị trấn. Mức chi trả kinh phí phục vụ công tác thu dịch vụ do đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường thoả thuận với tổ dịch vụ vệ sinh môi trường.

Đối với các đối tượng kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ trong các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại do doanh nghiệp quản lý; chợ do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; căn cứ hợp đồng đã ký kết với đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường, doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã. Doanh nghiệp quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại do doanh nghiệp quản lý và Ủy ban nhân dân xã thực hiện phân bổ và tổ chức thu tiền dịch vụ của các hộ kinh doanh.

Các buổi biểu diễn nghệ thuật, hội chợ, triển lãm,...vv, đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường phối hợp với cơ quan chủ quản ký hợp đồng trực tiếp với đơn vị biểu diễn nghệ thuật, hội chợ, triển lãm, thu tiền dịch vụ tính đủ cả ba khâu: Khâu thu gom rác thải từ nơi phát thải đến điểm thu gom rác tập trung; khâu bốc xúc, vận chuyển đến nhà máy; khâu xử lý rác tại nhà máy (không được xác định là rác thải công cộng).

d) Quản lý, sử dụng nguồn thu được từ dịch vụ vệ sinh môi trường

Toàn bộ nguồn thu từ dịch vụ thu gom, bốc xúc, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt là doanh thu của đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường được sử dụng để thực hiện các nghĩa vụ về thuế và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định. Số còn lại được sử dụng để phục vụ cho công tác thu dịch vụ vệ sinh môi trường và chi cho công tác công tác thu gom; bốc xúc, vận chuyển; xử lý rác thải.

3. Đối tượng 5: Rác thải từ các khu công cộng tại đô thị.

Trên cơ sở định mức phát thải rác thải từ các khu công cộng tại đô thị trên địa bàn và đơn giá dịch vụ thu, gom, bốc xúc, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường để thực hiện theo quy định.

Toàn bộ hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải do ngân sách Nhà nước đảm bảo thực hiện theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Sở Tài nguyên & môi trường

a) Phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan tuyên truyền về pháp luật bảo vệ môi trường; đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

b) Khuyến khích và hướng dẫn các huyện, thành phố chuyển từ cơ chế nhà nước đặt hàng sang hình thức đấu thầu dịch vụ vệ sinh môi trường.

c) Chủ trì tham mưu cho ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh đơn vị xử lý và phân vùng xử lý rác thải sinh hoạt trong từng thời kỳ cho phù hợp với thực tế việc thu gom rác thải sinh hoạt tại các địa phương và công suất, vị trí của các nhà máy xử lý rác thải.

d) Tham mưu đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền đối với các đơn vị cung ứng dịch vụ môi trường không thực hiện theo đúng quy định.

2. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch lựa chọn, bố trí hạ tầng kỹ thuật đối với các điểm tập kết, khu xử lý rác thải sinh hoạt đảm bảo khoảng cách an toàn và yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

b) Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đơn giá dịch vụ thu, gom, bốc xúc, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh phù hợp với từng thời kỳ.

c) Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức phát thải rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh phù hợp với từng thời kỳ.

3. Sở Tài chính

Chủ trì và phối hợp với sở Kế hoạch và đầu tư tham mưu cho uỷ ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí kinh phí chi sự nghiệp môi trường hàng năm đối với phần ngân sách nhà nước đảm bảo theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

4. Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Khuyến khích Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố chuyển từ cơ chế nhà nước đặt hàng sang hình thức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực về cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường để nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường từng bước đáp ứng mục tiêu giảm dần chi ngân sách nhà nước cho công tác thu gom; bốc xúc, vận chuyển; xử lý rác thải.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường để nâng cao chất lượng dịch vụ.

c) Tổ chức tuyên truyền, nâng cao ý thức của nhân dân trong việc thực hiện thu nộp tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đầy đủ và tham gia giám sát chất lượng dịch vụ vệ sinh môi trường do các đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường thực hiện.

d) Hướng dẫn tổ chức thu và quản lý, sử dụng nguồn thu được từ dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt để thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước và chi cho công tác duy trì vệ sinh môi trường theo quy định.

5. Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Có trách nhiệm phối hợp với đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường trong việc thực hiện thu tiền dịch vụ vệ sinh môi trường của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo đúng quy định.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường để nâng cao chất lượng dịch vụ.

c) Tổ chức tuyên truyền, nâng cao ý thức của nhân dân trong việc thực hiện thu nộp giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đầy đủ và tham gia giám sát chất lượng dịch vụ vệ sinh môi trường do các đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường thực hiện.

6. Các đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh

Có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và các đối tượng phát thải xây dựng phương án và tổ chức thu dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời và tổ chức thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường theo quy định.

7. Các đối tượng được cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường

Hàng tháng có trách nhiệm phải thực hiện nộp tiền dịch vụ vệ sinh môi trường theo đúng quy định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

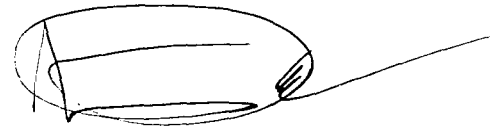
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2020 và thay thế Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lxy*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- VPUB: LĐVP, Các CV;
- Lưu: VT, KT. QĐ 11/2019

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông